TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 38/2023/DS-ST
Ngày: 29/5/2023
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ánh Tuyết**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Trước**
2. Bà **Trần Thị Tuyết Nga**

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Em - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2022/TLST-DS ngày 10/10/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2023/QĐXXST-DS, ngày 25/4/2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Đoàn Thanh S**, sinh năm 1986 (vắng mặt)
Địa chỉ: Số 215, khóm 5, phường 4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.
Người đại diện theo ủy quyền của anh S là: anh Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1983 (có mặt)
Địa chỉ: Số 387, đường Phạm Thái Bường, phường 4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Văn P**, sinh năm 1977 (vắng mặt)
Chị **Trần Thị Thu T**, sinh năm 1977 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Đoàn Thanh S do anh Nguyễn Tấn Đ đại diện trình bày:

Ngày 24/11/2021 anh Phạm Văn P có hỏi vay của anh S số tiền 12.000.000 đồng; mục đích để trả tiền mua cây mai bán tết và anh S đã chuyển khoản cho anh P vay số tiền này. Đến ngày 30/11/2021 anh P tiếp tục hỏi vay số tiền 30.000.000 đồng cũng là mục đích mua bán cây và anh S cũng chuyển khoản cho anh P vay. Thời hạn cho vay là 01 tháng kể từ ngày chuyển khoản và không

có thỏa thuận lãi suất. Hai bên giao nhận tiền bằng hình thức chuyển khoản. Anh S đã liên hệ đòi nợ anh P nhiều lần nhưng anh P cứ hẹn nhưng không trả.

Nay anh Đoàn Thanh S yêu cầu anh Phạm Văn P trả cho anh S số tiền vay gốc là 42.000.000đ và tính lãi từ ngày 04/02/2021 đến ngày 04/01/2023 là 23 tháng x 1,66%/tháng x 42.000.000đ = 16.035.600đ. Tổng cộng gốc và lãi là 58.035.600đ và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 05/01/2023 đến khi xét xử sơ thẩm.

Theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/02/2023: Anh S khởi kiện bổ sung yêu cầu chị Trần Thị Thu T là vợ của anh P liên đới cùng anh P trả tiền gốc và tiền lãi nêu trên cho anh S.

- Bị đơn Phạm Văn P trình bày:

Anh thừa nhận có vay của anh Đoàn Thanh S số tiền tổng cổng 42.000.000 đồng, mục đích để chi xài và anh S đã chuyển khoản cho anh vay số tiền này gồm: ngày 24/11/2021 vay số tiền 12.000.000 đồng, ngày 30/11/2021 vay số tiền 30.000.000 đồng. Hiện anh còn nợ anh S số tiền 42.000.000 đồng. Chị Trần Thị Thu T là vợ anh, việc anh vay tiền của anh S là trong thời kỳ hôn nhân, bà Thủy cũng biết không có ý kiến.

Nay theo yêu cầu khởi kiện của anh Đoàn Thanh S thì anh đồng ý cùng chị Trần Thị Thu T trả cho anh S số tiền nợ gốc là 42.000.000 đồng, đồng ý trả lãi theo mức lãi suất của nhà nước quy định là 10%/năm.

- Bị đơn Trần Thị Thu T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không có bản khai ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Tấn Đ đại diện nguyên đơn trình bày yêu cầu anh P và chị T liên đới trả cho anh S số tiền gốc là 42.000.000 đồng và xin thay đổi yêu cầu về lãi suất, cụ thể: theo đơn khởi kiện yêu cầu tính lãi suất 1.66%/tháng từ ngày 04/02/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm, nay thay đổi chỉ yêu cầu tính lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) tính từ 04/02/2022 đến ngày 29/5/2023 trên số nợ gốc 42.000.000 đồng.

- Bị đơn anh P, chị T vắng mặt.

- Kiểm sát viên đại diện Viên Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ Luật tố tụng

dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Đoàn Thanh S. Buộc anh Phạm Văn P và chị Trần Thị Thu T phải liên đới trả cho anh Đoàn Thanh S số tiền là 47.519.500 đồng (trong đó tiền gốc là 42.000.000 đồng, tiền lãi là 5.519.500 đồng).

Án phí: Buộc anh Phạm Văn P và chị Trần Thị Thu T phải liên đới chịu 2.375.975 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Kết luận, quan hệ pháp luật tranh chấp về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh P và chị T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung:

Xét nguyên đơn cho rằng có cho anh P vay tiền 02 lần số tiền 42.000.000 đồng, bằng hình thức anh chuyển khoản cho anh P nhận, cụ thể ngày 24/11/2021 anh P vay 12.000.000 đồng; ngày 30/11/2021 anh P vay 30.000.000 đồng. Anh P thừa nhận có vay của anh S số tiền tổng cộng 42.000.000 đồng và anh P đồng ý trả cho anh S số tiền này. Xét lời thừa nhận của anh P là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong trong hồ sơ vụ án cũng như phù hợp với trình bày của nguyên đơn nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Do đó, buộc anh P có trách nhiệm trả cho anh S số tiền nợ gốc là 42.000.000 đồng.

Về tiền lãi: Đại diện nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 04/02/2022 đến ngày 29/05/2023 là 15 tháng 25 ngày x 0,83%/tháng (10%/năm) x 42.000.000 đồng = 5.519.500 đồng.

Đại diện nguyên đơn trình bày khi cho anh S vay tiền thì hai bên không có thỏa thuận về lãi suất, nguyên đơn yêu cầu tính lãi 10%/năm và bị đơn anh P cũng đồng ý mức lãi suất này. Xét về thời gian tính lãi: nguyên đơn cho bị đơn vay tiền vào ngày 24/11/2021 và 30/11/2021 thời hạn vay 01 tháng nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 04/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp. Xét tại phiên tòa đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về mức lãi suất và thời gian tính lãi là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận, buộc anh P trả cho anh S tiền lãi là 5.519.500 đồng.

Xét, anh P thừa nhận chị T là vợ của anh và số tiền vay này còn trong thời kỳ hôn nhân, mục đích vay tiền để phục vụ cho kinh tế trong gia đình, chị T cũng biết việc anh P vay tiền của anh S nhưng không có ý kiến. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, chị T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc chị T có trách nhiệm liên đới cùng anh P trả cho ông Sang số tiền nợ gốc 42.000.000 đồng và lãi là 5.519.500 đồng.

[4] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Buộc anh P và chị T phải chịu án phí số tiền là 2.376.000 đồng (làm tròn).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đoàn Thanh S do anh Nguyễn Tấn Đ đại diện.

1. Buộc bị đơn Phạm Văn P và Trần Thị Thu T có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn Đoàn Thanh S số tiền vay gốc và lãi là 47.519.500 đồng (trong đó tiền gốc là 42.000.000 đồng, tiền lãi là 5.519.500 đồng).

2. Kể từ ngày anh Đoàn Thanh S có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Phạm Văn P và chị Trần Thị Thu T chưa tự nguyện thi hành án xong số tiền nêu trên thì hàng tháng anh Phạm Văn P và chị Trần Thị Thu T còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí:

3.1. Buộc bị đơn Phạm Văn P và Trần Thị Thu T liên đới nộp 2.376.000 đồng (hai triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Hoàn trả cho nguyên đơn Đoàn Thanh S số tiền 1.363.000 đồng (một triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004349 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự được biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND huyện Long Hồ;*
- *THADS huyện Long Hồ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Ánh Tuyết